|  |
| --- |
| BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ TÀI CHÍNH**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**🙢✯🙠**HÀ THỊ LIÊN****SỬ DỤNG CÔNG CỤ TÀI CHÍNH VĨ MÔ** **NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA** **HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU VIỆT NAM** **Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng****Mã số: 9.34.02.01****TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ****HÀ NỘI - 2018** |

|  |
| --- |
| **CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH** **TẠI HỌC VIỆN TÀI CHÍNH*****Người hướng dẫn khoa học:* 1. PGS. TS. Nguyễn Văn Dần** **2. TS. Nguyễn Hữu Hiểu** ***Phản biện 1:* ...............................................................** **...............................................................** ***Phản biện 2:* ...............................................................** **...............................................................** ***Phản biện 3:* ...............................................................** **...............................................................****Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án****cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính***Vào hồi .... giờ ...., ngày .... tháng .... năm 20..***Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia****và Thư viện Học viện Tài chính** |

**MỞ ĐẦU**

1. **Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu**

Công cụ tài chính vĩ mô là các công cụ điều tiết vĩ mô quan trọng của Nhà nước, một mặt, tác động tới tình hình tăng trưởng kinh tế, tỉ lệ lạm phát, thất nghiệp; mặt khác các công cụ tài chính cũng sẽ tác động làm kích thích hoặc kìm hãm sự phát triển của một ngành hoặc nhóm ngành tùy theo từng mục tiêu cụ thể của Nhà nước. Thông qua chính sách tài khóa và tiền tệ với các công cụ như: thuế, lãi suất, tỉ giá, chi ngân sách..., Nhà nước có thể điều tiết hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Với quan điểm và định hướng đưa hàng may mặc nói chung và hàng may mặc xuất khẩu nói riêng trở thành mặt hàng mũi nhọn của nền kinh tế, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc. Với mong muốn đánh giá hiệu quả thực thi các công cụ tài chính trong nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu, NCS đã lựa chọn đề tài ***“Sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam”.***

**2.** **Mục đích nghiên cứu của luận án**

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận về sử dụng công cụ tài chính vĩ mô và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, hệ thống các công cụ tài chính vĩ mô được sử dụng đối với doanh nghiệp; phân tích thực trạng sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam và đánh giá tác động của các công cụ tài chính vĩ mô đến các nhân tố cấu thành khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam; đề xuất một số giải pháp nhằm sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như ngành công nghiệp may mặc thế giới có nhiều biến động.

**3.** **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án**

***Đối tượng:*** các công cụ tài chính vĩ mô được chính phủ Việt Nam sử dụng đối với hàng may mặc xuất khẩu và doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, tập trung chủ yếu cho nhóm hàng may mặc được phân loại theo hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa - mã HS, bao gồm HS 61 và HS 62.

***Phạm vi:***

Về không gian: Nghiên cứu sử dụng hệ thống dữ liệu của các doanh nghiệp may mặc trên lãnh thổ Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI.

Về thời gian: Luận án tập trung đánh giá những thay đổi chính sách trong giai đoạn kể từ sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của WTO cho đến nay, trong giai đoạn 2007 - 2016, một số thông tin cập nhật đến năm 2017.

Về nội dung: Luận án đi sâu đánh giá và phân tích các công cụ tài chính vĩ mô đối với doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc Việt Nam, tập trung nhiều vào các khâu liên quan đến hình thành chuỗi giá trị và các yếu tố cấu thành khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu; tập trung vào nhóm mặt hàng may mặc thành phẩm dưới hình thức quần áo may sẵn cho các nhóm đối tượng tiêu dùng khác nhau, tương đương với mã HS 61 và HS 62.

* **Phương pháp nghiên cứu của luận án:** chủ yếu là các phương pháp phân tích định tính bao gồm: *Phân tích và tổng hợp****:*** tổng hợp các tài liệu lý thuyết, lý luận của thế giới; tổng hợp các tài liệu thực tiễn, hệ thống pháp lý và kinh nghiệm sử dụng các công cụ tài chính; sử dụng chủ yếu số liệu và tư liệu thứ cấp; phân tích chính sách về những ưu điểm, hạn chế trong quá trình thực thi các công cụ tài chính đối với hàng may mặc xuất khẩu. *Thống kê và so sánh*: luận án sử dụng số liệu theo chuỗi thời gian so sánh giữa hiện tại và quá khứ để thấy được thực trạng khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu trên các tiêu chí về giá thành, thị phần, chất lượng, uy tín...  *Phương pháp mô hình****:*** dựa trên các tài liệu liên quan đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm, NCS vận dụng mô hình ''5 áp lực cạnh tranh'' và ''chuỗi giá trị'' để đánh giá khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam.
1. **Đóng góp mới về khoa học của luận án**

Luận án đã góp phần bổ sung thêm cho lý luận về các công cụ tài chính vĩ mô phát triển ngành công nghiệp may mặc của Việt Nam; làm rõ những ảnh hưởng của công cụ tài chính vĩ mô đối với sự phát triển ngành công nghiệp may mặc Việt Nam nói chung và khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu nói riêng; đề xuất một số giải pháp sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu trong bối cảnh áp lực cạnh tranh trong nước và quốc tế đều có xu hướng tăng mạnh.

1. **Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án**

***- Ý nghĩa về mặt khoa học:*** làm rõ nội hàm “các công cụ tài chính vĩ mô có tác động đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu”; xây dựng được các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu; chỉ ra các kênh tác động của các công cụ tài chính vĩ mô đến từng nhân tố khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu.

***- Ý nghĩa về mặt thực tiễn:*** luận án chỉ ra nhiều điểm bất cập và vướng mắc trong hệ thống công cụ tài chính vĩ mô có ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu nói riêng; chỉ rõ những hạn chế trong thực thi các công cụ tài chính vĩ mô, cũng như hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tài chính chưa thực sự hiệu quả; phân tích và luận giải mối quan hệ giữa việc thực thi các công cụ tài chính với các giải pháp phi tài chính.

**Chương 1**

**TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

**1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước**

**1.1.1. Các nghiên cứu về sử dụng công cụ tài chính vĩ mô**

***a. Các nghiên cứu ngoài nước***

Với đặc điểm là công cụ điều tiết kinh tế vĩ mô, các tài liệu nghiên cứu ngoài nước về việc sử dụng các công cụ tài chính rất phong phú và đa dạng trên cả góc độ lý luận và thực tiễn. Có thể kể tên các tác phẩm điển hình sau

+ Paul Cook (IDPM) và Frederick Nixson (2000) đã nghiên cứu, đánh giá tác động của việc cải cách chính sách tài chính tại khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các nước công nghiệp phát triển.

+ Constantinos Stephanou và Camila Rodriguez (2008) nghiên cứu về những xu hướng và thách thức chính sách trong việc cung cấp tài trợ tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Colombia.

+ Malhotra, Mohini; Chen, Yanni Criscuolo, Alberto; Fan, Qimiao, Hamel, Iva lIieva, Savchenko, Yevgeniya (2007) đã nghiên cứu kinh nghiệm tài trợ tài chính của các quốc gia trên thế giới như việc kết hợp sử dụng dòng vốn từ ngân hàng tái thiết Châu Âu, tư nhân hóa ngành ngân hàng, hay áp dụng các chính sách hỗ trợ đào tạo, và ban hành những chuẩn mực kế toán phù hợp.

+ Wang (2004) cho rằng, các công ty nhận được ưu đãi thuế có kết quả doanh thu và giá trị gia tăng tốt hơn so với các doanh nghiệp không thuộc nhóm được hưởng ưu đãi.

+ Nghiên cứu của Tilak Abeysunghe và Tan Lin Yeok (1998)***,*** về tác động của việc một quốc gia thực hiện phá giá và nâng giá nội tệ đến hoạt động xuất nhập khẩu.

+ Nghiên cứu của WenShwo Fang và cộng sự (2005)về ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái đến hoạt động xuất khẩu tại các nước Indonexia, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia trên hai góc độ là giảm giá đồng nội tệ và rủi ro tỷ giá.

Các tác phẩm nghiên cứu trên, bằng các phương pháp nghiên cứu khác nhau, cả định tính lẫn định lượng, đã cung cấp nguồn thông tin quan trọng về mặt lý luận liên quan đến sử dụng các công cụ tài chính cũng như tác động của các công cụ tài chính đến thực tiễn áp dụng ở các quốc gia trên thế giới. Đây là nguồn tư liệu quý để NCS kế thừa trong đề tài nghiên cứu của mình.

***b. Các nghiên cứu trong nước***

Ở Việt Nam, đã có nhiều nhà nghiên cứu phân tích, đánh giá việc sử dụng công cụ tài chính. Điển hình như:

+ Bạch Đức Hiển (1997) đã nhận định thuế là công cụ khuyến khích và định hướng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam thông qua hệ thống ưu đãi về thuế như miễn giảm, hoãn thuế cho phép doanh nghiệp khấu hao nhanh tài sản cố định.

+ Tôn Thu Hiền (2011) nghiên cứu việc sử dụng công cụ tài chính trong công tác giảm nghèo nên đối tượng công cụ tài chính được tác giả nghiên cứu bao gồm chi ngân sách Nhà nước, bảo hiểm y tế và công cụ tài chính vi mô.

+ Nguyễn Thị Quy (2008) đã phân tích về biến động tỷ giá ngoại tệ (USD, EURO) tới hoạt động xuất khẩu. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mỗi quốc gia đều lựa chọn một chính sách tỷ giá phù hợp cho mỗi giai đoạn phát triển của nền kinh tế.

+ Nghiên cứu riêng về ảnh hưởng của công cụ tỷ giá, Đặng Thị Huyền Anh (2012)đãsử dụng phương pháp bình phương nhỏ nhất trong kinh tế lượng để mô tả mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái thực với cán cân thương mại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2002 đến 2012.

Các nghiên cứu về sử dụng công cụ tài chính của các nhà nghiên cứu trong nước được thực hiện từ góc độ nền kinh tế Việt Nam nên là nguồn thông tin vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn cao để NCS vận dụng và phát triển trong phân tích, đánh giá các vấn đề về thực tiễn sử dụng các công cụ tài chính nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam.

**1.1.2. Các nghiên cứu về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

***a. Các nghiên cứu ngoài nước***

May mặc là mặt hàng truyền thống của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất, tiêu thụ mặt hàng trên thế giới có sự phân cấp rất rõ ràng theo trình độ phát triển giữa các quốc gia. Các nghiên cứu về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc trên thế giới cũng xoay quanh sự khác biệt về trình độ và yêu cầu sản xuất giữa hai nhóm nước.

+ Schmitz Hubert (2006), doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc Việt Nam được tác giả nhắc tới như một trường hợp điển hình ở châu Á về khả năng sản xuất và xuất khẩu hàng may mặc dựa trên khai thác lợi thế về nhân công.

+ Với đối tượng nghiên cứu chính là công nghiệp nhẹ của các nước ở khu vực châu Phi, GDS (2011) đã đưa doanh nghiệp may mặc Việt Nam vào nghiên cứu như một điển hình để so sánh do có sự tương đồng về lợi thế chi phí nhân công thấp, ưu đãi về môi trường đầu tư.

+ Jean Marc Philip và cộng sự (2011) đã có những đánh giá về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên thị trường EU. Nhóm tác giả cho rằng, hàng may mặc Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tốt trên thị trường EU, đặc biệt khi hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU có hiệu lực.

+ Jae-Hee Chang và Phu Huynh (2016) đã nghiên cứu nhóm ngành may mặc - da giầy của các nước khu vực ASEAN trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4 có ảnh hưởng rất lớn đến hai ngành này.

Các nghiên cứu ngoài nước đã cho thấy cách đánh giá khách quan đối với khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam. Những kết quả phân tích, đánh giá của các tác phẩm nghiên cứu ngoài nước sẽ bổ sung nguồn thông tin để NCS có thể đánh giá khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam một cách toàn diện và đa chiều hơn.

***b. Các nghiên cứu trong nước***

+ Đặng Thị Tuyết Nhung (2011) đã phân tích, đánh giá và có những nhận định về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam dựa trên năng lực tham gia các hoạt động trong chuỗi giá trị may mặc toàn cầu.

+ Đinh Trường Hinh (2013) đã lựa chọn may mặc là đối tượng nghiên cứu cùng với 4 ngành công nghiệp nhẹ khác của Việt Nam. Tác giả đã có những phân tích sâu sắc, minh họa cụ thể về các yếu tố cấu thành năng lực cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam.

+ Nguyễn Thị Tú (2010) đã có những phân tích về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam trên thị trường Hoa Kỳ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong nhiều năm gần đây.

+ Đỗ Việt Tùng (2017) đã phân tích ảnh hưởng của việc tham gia các hiệp định thương mại tự do, cụ thể là Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và EU đến hoạt động xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam.

+ Phạm Thị Tường Vân (2017) nghiên cứu khả năng cạnh tranh của hàng may mặc từ góc độ công nghiệp hỗ trợ may mặc.

Các tác giả đều thống nhất trong nhận định về khả năng cạnh tranh thấp của hàng may mặc xuất khẩu, trong đó, lợi thế về lao động đã chưa được khai thác hiệu quả. Đây cũng là những kết luận quan trọng tạo nền tảng tốt cho luận án của NC, đặc biệt là trong nội dung đánh giá về thực trạng khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam.

**1.1.3. Các nghiên cứu về sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam**

***a. Các nghiên cứu ngoài nước* *về sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc***

+ Iwan Hermawan (2011) đã phân tích, đánh giá sự ảnh hưởng của các chính sách kinh tế vĩ mô đến ngành công nghiệp may mặc tại Indonesia qua phân tích công cụ thuế, lãi suất.

+ Dwight H. Perkins1 và Vu Thanh Tu Anh (2007) đã nghiên cứu về các chính sách phát triển ngành công nghiệp nói chung và công nghiệp may mặc nói riêng ở Việt Nam. Chính sách tài chính với các công cụ thuế, phí sử dụng đất, lãi suất đã được nhóm tác giả phân tích về thực trạng sử dụng và hiệu quả trong việc phát triển các ngành công nghiệp, trong đó có công nghiệp may mặc của Việt Nam.

+ Francesca Guadagno (2016) đã nghiên cứu về vai trò của Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB) cùng với các chủ thể cung cấp vốn và tài trợ một số nước khác.

+ IDS (2010) là nghiên cứu ngoài nước có tiếp cận trực tiếp đến việc sử dụng công cụ tài chính trong ngành công nghiệp may mặc Việt Nam nói chung và hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam nói riêng. Tác giả đã phân tích thực tế áp dụng các loại thuế, phí liên quan đến doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc, cũng như lãi suất của NHNN.

Theo đánh giá của các tác giả ngoài nước, hàng may mặc có vai trò quan trọng trong các sản phẩm nghiên cứu mang tính thực tiễn cao. Tuy nhiên, trường hợp hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu ngoài nước quan tâm đến, nếu có cũng chỉ mới đề cập đến tác động của một số công cụ tài chính, hoặc may mặc được nghiên cứu cùng với các ngành công nghiệp chế biến chế tạo khác. Điều này sẽ được khắc phục bằng các sản phẩm nghiên cứu trong nước.

***b. Các nghiên cứu trong nước về sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam***

Việc sử dụng công cụ tài chính nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam đã nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước. Một số tác phẩm điển hình như:

+ Phạm Thị Minh Hiền (2011) đã luận giải khá rõ cơ sở lý luận về năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, phân tích năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đã là thành viên của WTO.

+ Nguyễn Mạnh Hùng (2012) đã phân tích, đánh giá tác động của chính sách tài chính tiền tệ đến tài chính doanh nghiệp may mặc Việt Nam trong giai đoạn 2006 - 2010, trong đó tập trung vào phân tích chính sách thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu, và thuế giá trị gia tăng.

+ IPP, CIEM (2013) là một báo cáo công phu trên cả phương diện nghiên cứu định tính lẫn định lượng về năng lực cạnh tranh của cụm ngành may mặc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương lân cận. Nhóm nghiên cứu đã phân tích rất chi tiết tác động của các công cụ lãi suất, tỷ giá và thuế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhóm doanh nghiệp may mặc trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương lân cận.

+ Lê Mai Trang (2016) đã tập trung nghiên cứu vào ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến 3 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là cafe, thủy sản và may mặc.

+ Lê Hồng Thuận (2017), với việc ngày càng có nhiều doanh nghiệp may mặc niêm yết trên thị trường chứng khoán, theo đó, doanh nghiệp may mặc đã có thêm một kênh huy động vốn ngoài sự hỗ trợ của Ngân sách Nhà nước và vốn tự có của doanh nghiệp.

Có thể nhận thấy, các nghiên cứu trong nước về việc sử dụng công cụ tài chính nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp may mặc nói chung và của hàng may mặc xuất khẩu nói riêng khá phong phú, đã bổ sung cách tiếp cận trực tiếp và cụ thể hơn cho NCS. Tuy nhiên, do còn có nhiều sự khác biệt về đối tượng, phạm vi nghiên cứu đòi hỏi NCS phải có cách tiếp cận toàn diện, đa chiều hơn.

**1.2. Đánh giá chung về tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước, những khoảng trống và hướng tiếp cận của luận án**

**1.2.1. Đánh giá chung và những khoảng trống trong các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước**

Các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan sử dụng công cụ tài chính nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam rất phong phú và đa dạng, đã phản ánh được nhiều khía cạnh khác nhau liên quan đến chủ đề của luận án. Đây là những tài liệu mang tính lý luận và thực tiễn rất có giá trị để NCS xác định khung phân tích, định hướng nghiên cứu và làm cơ sở phân tích thực trạng sử dụng công cụ tài chính trong quá trình nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam.

***Khoảng trống trong các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước:***

- Các nghiên cứu trong và ngoài nước mới chỉ phản ánh một hoặc một số công cụ tài chính được sử dụng có ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam mới được phân tích riêng lẻ, chưa có sự phân tích tổng hợp và đánh giá mức độ ảnh hưởng của cả bốn công cụ tài chính vĩ mô (chi ngân sách nhà nước, thuế, tín dụng và tỷ giá hối đoái) đến tất cả các yếu tố của khả năng cạnh tranh.

- Nội dung liên quan đến sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam hoàn toàn chưa được đề cập tới một cách toàn diện và đầy đủ.

- Những hạn chế về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam chưa được nhận diện một cách toàn diện, cũng như tác động của các công cụ tài chính vĩ mô nhằm làm giảm các hạn chế này chưa được nghiên cứu và đánh giá một cách đầy đủ.

Đây chính là khoảng trống nghiên cứu mà thông qua kết quả nghiên cứu luận án với đề tài *“Sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam”,* NCS mong muốn sẽ hạn chế được khoảng trống nghiên cứu này.

**1.2.2. Hướng tiếp cận của luận án**

*- Về mặt lý luận,* luận án hệ thống hóa các vấn đề lý luận về khả năng cạnh tranh với các yếu tố cấu thành, các công cụ tài chính và tác động của các công cụ tài chính đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa.

*- Về mặt thực tiễn*, luận án tiến hành nghiên cứu việc sử dụng 4 công cụ tài chính là thuế, tín dụng, chi NSNN và tỷ giá hối đoái. Các công cụ này được nghiên cứu thông qua các kênh tác động đến yếu tố cấu thành khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu, trong đó, NCS tập trung phân tích nhóm hàng may mặc dưới dạng quần áo thành phẩm, còn được gọi là hàng may mặc, với hai nhóm sản phẩm theo mã HS 61 và 62.

**Chương 2**

**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH VĨ MÔ ĐẾN KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM**

**2.1. Cạnh tranh và khả năng cạnh tranh**

***2.1.1. Khái niệm cạnh tranh và khả năng cạnh tranh***

*2.1.1.1. Khái niệm cạnh tranh*

Cạnh tranh là hoạt động tranh đua giữa các nhà sản xuất hàng hóa, các thương nhân, các nhà kinh doanh; giữa các quốc gia trong nền kinh tế thị trường, bị chi phối bởi quan hệ cung cầu nhằm giành các điều kiện sản xuất, tiêu thụ và thị trường có lợi nhất. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, là cơ sở quan trọng đảm bảo cho tự do kinh doanh hợp pháp và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội và người tiêu dùng.

*2.1.1.2. Khả năng cạnh tranh*

Khả năng cạnh tranh được nghiên cứu trên ba cấp độ: khả năng cạnh tranh của quốc gia, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, khả năng cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ. Ba cấp độ của khả năng cạnh tranh có mối quan hệ qua lại, phụ thuộc và tương trợ lẫn nhau.

***2.1.2. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng cạnh tranh của sản phẩm***

Thứ nhất là chất lượng.

Thứ hai là giá thành.

Thứ ba là giá trị thương hiệu, nhãn hiệu của hàng hóa.

Thứ tư là thị phần.

***2.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm***

***2.1.3.1. Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên khía cạnh môi trường bên trong và bên ngoài của doanh nghiệp sản xuất***

***\* Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp sản xuất***

Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp có ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của hàng hóa là các yếu tố thuộc môi trường vĩ mô, bao gồm các yếu tố kinh tế, yếu tố văn hóa - xã hội, yếu tố chính trị - pháp luật và yếu tố môi trường kinh doanh quốc tế.

***\* Các yếu tố trong nội bộ ngành ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm***

Mô hình 5 áp lực cạnh tranh do nhà kinh tế Michael Porter đưa ra. Đặt trong khung nghiên cứu khả năng cạnh tranh của sản phẩm thì mô hình 5 áp lực cạnh tranh được xem như các nhân tố vi mô có ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm, bao gồm áp lực cạnh tranh từ đối thủ cạnh tranh hiện tại, đối thủ cạnh tranh tiềm năng, hàng hóa thay thế, khách hàng và nhà cung cấp.

***\* Các yếu tố bên trong doanh nghiệp ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm***

- Nguồn nhân lực

- Quy mô của hoạt động sản xuất kinh doanh

- Trình độ khoa học công nghệ

- Tình hình tài chính của doanh nghiệp

***2.1.3.2.******Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm theo khung nghiên cứu chuỗi giá trị***

Theo khung nghiên cứu chuỗi giá trị, hàng hóa có hàm lượng đầu vào, chế biến, lắp ráp cao nhưng hàm lượng thiết kế, R&D; marketing, bán lẻ hạn chế thì khả năng cạnh tranh thấp, giá thành thấp, có vị trí thấp trong chuỗi giá trị. Điều này được phản ánh rất rõ với các hàng hóa thô, sơ chế, chế biến, chế tạo của các nước đang và chậm phát triển. Ngược lại, hàng hóa có sự khác biệt về thiết kế, sự sáng tạo của R&D; marketing và bán lẻ tốt sẽ có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường, có vị trí cao trong chuỗi giá trị.

**2.2. Công cụ tài chính vĩ mô và tác động của các công cụ tài chính vĩ mô đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm**

***2.2.1. Thuế và tác động của thuế đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm***

Với mục đích phân tích tác động của thuế đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm, NCS sử dụng cách phân loại theo phương thức đánh thuế.

*Thuế gián thu và tác động của thuế gián thu đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm:* nhà nước sử dụng thuế gián thu để hỗ trợ hoạt động sản xuất trong nước phát triển; nhà nước sử dụng thuế gián thu để thực hiện bảo vệ sản xuất trong nước

*Thuế trực thu và tác động của thuế trực thu đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm:* giảm thuế cho phần thu nhập từ các hoạt động nghiên cứu, triển khai; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng...; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển; tín dụng thuế; thực hiện khấu hao nhanh tài sản cố định.

***2.2.2. Chi ngân sách nhà nước và tác động của chi ngân sách nhà nước đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm***

Chi ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm với các tác động cụ thể như sau:

Thứ nhất, chi ngân sách nhà nước cho phát triển cơ sở hạ tầng

Thứ hai, chi ngân sách nhà nước cho nâng cao trình độ lao động

Thứ ba, chi ngân sách nhà nước cho phát triển công nghệ, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển

***2.2.3. Tín dụng, lãi suất và tác động của tín dụng, lãi suất đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm***

Tín dụng giúp các doanh nghiệp giải quyết những khó khăn trong việc tìm kiếm các nguồn vốn bên ngoài để mở rộng đầu tư, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường nội địa cũng như trên thị trường thế giới. Nhận thức được điều đó, chính phủ và các tổ chức tài chính tín dụng đang ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua một số giải pháp tín dụng: cho vay, cho thuê tài chính, bảo lãnh tín dụng...

Nhờ có nguồn vốn tín dụng của ngân hàng, các doanh nghiệp có điều kiện bổ sung vốn thiếu hụt tạm thời hay mở rộng nguồn vốn đảm bảo được quá trình sản xuất bình thường và còn có thể mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật, áp dụng kỹ thuật công nghệ mới tăng tính cạnh tranh. Tín dụng đã giúp các doanh nghiệp đẩy nhanh quá trình sản xuất và tiêu thụ, tạo điều kiện để duy trì mối liên hệ hữu cơ giữa sản xuất, lưu thông hàng hoá và tiêu dùng xã hội.

***2.2.4. Tỷ giá hối đoái và tác động của tỷ giá hối đoái đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm***

***2.2.4.1. Tỷ giá hối đoái***

Theo lý thuyết, khi xuất khẩu, tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến mức cầu đối với sản phẩm xuất khẩu trên thị trường thế giới, từ đó ảnh hưởng đến sức cạnh tranh của hàng hóa. Nếu đồng tiền của mỗi nước giảm giá so với đồng tiền của các nước khác thì giá cả hàng hoá xuất khẩu của nước đó trên thị trường thế giới trở nên rẻ hơn so với hàng hoá của các nước khác. Sự giảm giá này giúp cho hàng hoá xuất khẩu của nước đó hấp dẫn các khách hàng trên thế giới, nâng cao được sức cạnh tranh về giá của hàng hóa và làm gia tăng số lượng hàng hoá xuất khẩu của nước đó. Ngoại tệ tăng giá cũng khuyến khích các hoạt động du lịch vào trong nước, do đó, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu dịch vụ tại chỗ, góp phần tăng thu ngoại tệ cho đất nước. Ngược lại, nếu đồng tiền của một nước tăng giá so với đồng tiền của các nước khác thì giá cả hàng hóa của nước đó trở nên đắt đỏ hơn so với hàng hoá xuất khẩu của các nước khác làm giảm khả năng tiêu dùng, giảm sức

Tỷ giá hối đoái có tác động rõ ràng, nhanh chóng và trực tiếp lên hoạt động xuất nhập khẩu và có vai trò quan trọng trong nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu. Để thực hiện mục tiêu này, các công cụ điều tiết của chính sách tỷ giá có thể được áp dụng là:

i). phá giá và nâng giá tiền tệ, trong đó, để nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng xuất khẩu, công cụ được lựa chọn sẽ là phá giá tiền tệ, theo đó, đồng nội tệ sẽ được định giá thấp và tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng xuất khẩu. ii). công cụ dự trữ ngoại hối: thay đổi về mức tăng hay giảm trong dự trữ ngoại hối của [ngân hàng trung ương](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%A2n_h%C3%A0ng_trung_%C6%B0%C6%A1ng), là lượng ngoại tệ mà một quốc gia nắm giữ để cung ứng cho khả năng chi trả quốc tế của quốc gia đó. iii). các công cụ điều tiết gián tiếp như lãi suất tái chiết khấu, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thuế quan, hạn ngạch, giá cả và các công cụ khác.

**2.3. Kinh nghiệm của các nước trong việc sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu**

**2.3.1. Kinh nghiệm của các nước trong việc sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu**

***2.3.1.1. Kinh nghiệm của Thái Lan trong việc sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu***

Cụ thể, các công cụ tài chính đã được Thái Lan sử dụng trong nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa như sau:

*🟁 Công cụ thuế*

Thái Lan có hai nguồn thu thường xuyên là thuế và ngoài thuế, trong đó, thuế là nguồn thu chủ yếu, chiếm 80 - 90% ngân sách. Bên cạnh vai trò là nguồn thu của ngân sách nhà nước, thuế cũng đóng vai trò quan trọng trong nâng cao khả năng cạnh tranh hàng hóa của Thái Lan, đặc biệt là hàng xuất khẩu.

Bên cạnh các cam kết trong các chương trình hợp tác khu vực và thế giới, Thái Lan cũng áp dụng các mức thuế suất nhằm giảm chi phí đầu vào, chi phí sản xuất cho doanh nghiệp, từ đó tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa.

*🟁 Công cụ tín dụng*

Với mục tiêu phát triển kinh tế theo hướng gia tăng giá trị, phát triển dựa vào trình độ và năng suất lao động cao; trình độ công nghệ tiên tiến nên các chính sách tài chính của Thái Lan cũng hướng vào mục tiêu này. Công cụ tín dụng được thực hiện thông qua các chương trình:

- Giảm chiết khấu cho nguồn vốn R&D

- Giảm thuế cho những chi phí R&D

- Thành lập Quỹ phát triển Nghiên cứu và Công nghệ

- Vốn vay mềm và ưu đãi

*🟁 Công cụ tỷ giá*

Sau khủng hoảng tài chính năm 1997 mà nền kinh tế Thái Lan phải gánh chịu khủng hoảng nặng nề, sự mất giá mạnh của đồng bath Thái đã làm ảnh hưởng mạnh đến khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Hiện nay, Thái Lan đã duy trì được tỷ giá ổn định với các ngoại tệ của các đối tác chủ chốt. Tỷ giá ổn định cũng tạo ra tính hấp dẫn cho môi trường đầu tư của Thái Lan để thu hút FDI, đồng thời, các nhà đầu tư Thái Lan cũng có nhiều cơ hội để đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài. Điều này một lần nữa làm cho hoạt động sản xuất của Thái Lan càng được đẩy mạnh, tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa.

*🟁 Công cụ tài chính vĩ mô đối với hàng may mặc xuất khẩu của Thái Lan*

Công nghiệp may mặc của Thái Lan rất phát triển nhờ việc hình thành và phát triển chuỗi giá trị may mặc hoàn thiện, bao gồm 4.700 nhà sản xuất nội địa và đứng thứ 11 trong khu vực châu Á về giá trị xuất khẩu hàng may mặc.

Với những ưu đãi tài chính cho R&D nên lĩnh vực nhuộm, in và hoàn tất vải của Thái Lan đã ứng dụng được nhiều công nghệ tiên tiến trong sản xuất như công nghệ in điện tử, in 3D. Với 400 nhà máy hoạt động trong lĩnh vực nhuộm, in và hoàn tất vải, công nghiệp may mặc của Thái Lan không những đáp ứng tốt cho nhu cầu nội địa mà còn đẩy mạnh xuất khẩu. Chính vì vậy, hàng may mặc của Thái Lan có tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm rất cao, ở mức 80%.

Nhằm đẩy mạnh phát triển hoạt động thiết kế, phát triển sản phẩm may mặc nên các hoạt động có giá trị cao trong chuỗi may mặc sẽ được nhận ưu đãi cao hơn. Hơn nữa, để phát triển công nghiệp hỗ trợ may mặc, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ may mặc một mặt được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, mặt khác vẫn phải chịu sức ép cạnh tranh với việc nhà nước miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị sử dụng cho sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

***2.3.1.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc trong việc sử dụng công cụ tài chính vĩ mô để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu***

*🟁 Công cụ thuế*

Hệ thống thuế của Hàn Quốc bao gồm thuế quốc gia và thuế địa phương. Trong đó, thuế quốc gia được cấu thành từ ba bộ phận: thuế nội địa, thuế quan và thuế chuyên dùng; thuế địa phương bao gồm thuế tỉnh, quận và thành phố.

Đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả các doanh nghiệp được thành lập ở Hàn Quốc (được coi là một công ty trong nước), phải chịu thuế đối với tất cả các khoản thu nhập trên toàn thế giới; và các doanh nghiệp nước ngoài phải chịu thuế đối với các khoản thu nhập tại Hàn Quốc. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% và 27%.

Về thuế VAT, năm 2012, Hàn Quốc đã điều chỉnh tăng thuế suất thuế VAT từ 10% lên 10,5%, trong đó số tiền thu tăng thêm từ thuế VAT được chuyển giao cho địa phương (ngoài số phân cấp nguồn thu từ thuế VAT chung).

*🟁 Công cụ tín dụng*

Công cụ tín dụng được Hàn Quốc sử dụng theo xu hướng tạo ra các tác động gián tiếp đến việc tăng khả năng cạnh tranh của hàng hóa. Điển hình là hệ thống chính sách đa dạng hỗ trợ tài chính cho R&D, từ hỗ trợ trả lương chuyên viên nghiên cứu tới giảm thuế thu nhập, giảm thuế nhập khẩu thiết bị phục vụ nghiên cứu. Cụ thể như:

- Hỗ trợ trả lương: hỗ trợ 80% tiền lương hằng năm cho mỗi chuyên gia, tối đa là 30 nghìn USD trong 2 năm đầu tiên.

- Hoàn thuế: hoàn 15% chi phí đầu tư cho R&D và đào tạo nhân lực trong mỗi năm đóng thuế; hoặc hoàn 40% chi phí trung bình hằng năm của 4 năm gần gần nhất đầu tư cho R&D và đào tạo nhân lực.

- Giảm thuế nhập khẩu: giảm 80% thuế nhập khẩu thiết bị phục vụ nghiên cứu: hóa chất, hàng hóa sơ chế đầu vào, nguyên vật liệu, và vật mẫu.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân cho kỹ sư nước ngoài

*🟁 Công cụ tỷ giá*

Công cụ tỷ giá được chính quyền Hàn Quốc sử dụng khá hiệu quả trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu.

Khi mới thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế, Hàn Quốc thực hiện chính sách duy trì đồng nội tệ yếu, nhằm tăng khả năng cạnh tranh cho hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, khi hàng hóa xuất khẩu của Hàn Quốc chuyển sang giai đoạn được sản xuất theo xu hướng thâm dụng công nghệ thì việc đồng KRW định giá thấp không còn quá quan trọng, hơn nữa, việc các chaebol của Hàn Quốc đang tích cực tiến hành FDI sang các nước khác thì việc duy trì giá trị đồng KRW ổn định là quan trọng hơn cả.

*🟁 Công cụ tài chính vĩ mô đối với hàng may mặc xuất khẩu của Hàn Quốc*

Vào những năm 60 của thế kỷ XX, may mặc được Hàn Quốc đưa vào nhóm ngành công nghiệp nhẹ cần đẩy mạnh phát triển, trong đó, thị trường tiêu thụ chủ yếu là nội địa và Hoa Kỳ. Sang những năm 70 và 80, song song với quá trình gia công hàng may mặc cho thị trường Hoa Kỳ, EU, công nghiệp may mặc của Hàn Quốc đã di chuyển từ hình thức sản xuất lắp ráp đơn thuần các nguyên liệu nhập khẩu (gắn liền với các khu chế xuất) đến hình thức sản xuất có giá trị gia tăng cao hơn là OEM (sản xuất thiết bị nguyên gốc). Tiếp đó, các công ty may mặc của Hàn Quốc chuyển từ xuất khẩu OEM sang ODM rồi OBM, hàng may mặc được tiêu thụ với thương hiệu riêng trên thị trường nội địa và thị trường thế giới.

Góp phần vào thành công của ngành công nghiệp may mặc Hàn Quốc, đầu tiên phải kể đến là việc chính phủ Hàn Quốc đã xây dựng “Đạo luật khuyến khích khoa học và công nghệ” nhằm tăng cường vai trò của thuế trong việc phát triển khoa học và công nghệ vì mục tiêu phát triển kinh tế. Cụ thể, năm 1974, chính phủ đã ban hành "hệ thống khấu trừ thuế đầu tư cho ngành công nghệ công nghệ mới", là luật khuyến khích thuế trực tiếp nhằm hỗ trợ và phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, trong đó có công nghiệp may mặc. Năm 1977 và 1979, Hàn Quốc đã thiết lập "hệ thống khấu trừ thuế đầu tư thiết bị nghiên cứu" và "hệ thống giảm thuế chuyển giao công nghệ".

Để đơn giản hóa hệ thống thuế, Hàn Quốc đã thực hiện "các lĩnh vực then chốt trong xử lý thuế đặc biệt", các ngành công nghiệp chủ chốt có quyền lựa chọn một trong ba hình thức ưu đãi là miễn thuế, khấu hao đặc biệt, tín dụng thuế đầu tư.

**2.3.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam trong việc sử dụng công cụ tài chính vĩ mô để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu**

*Thứ nhất,* phải có sự đồng thuận và định hướng tốt của chính phủ, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Công cụ tài chính là do các nhà quản lý vĩ mô thực hiện nên nếu có định hướng tốt thì hiệu quả trong nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu mới đạt được. *Thứ hai,* duy trì khả năng cạnh tranh cao cho hàng xuất khẩu phải dựa trên trình độ lao động và công nghệ cao, các công cụ tài chính đều phải thực hiện theo xu hướng nâng cao trình độ lao động, phát triển hoạt động R&D. *Thứ ba,* yếu tố nội lực đóng vai trò quan trọng trong nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu, các công cụ tài chính phải khai thác tối đa các lợi thế về nguồn lực trong nước. *Thứ tư,* khả năng cạnh tranh cao của hàng hóa xuất khẩu phải được thể hiện qua việc sở hữu các hàng hóa mang thương hiệu, nhãn hiệu. *Thứ năm,* các công cụ tài chính phải sử dụng linh hoạt tùy theo bối cảnh nền kinh tế trong nước và quốc tế để tiến hành cách thức nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu sao cho phù hợp. *Thứ sáu,* việc sử dụng công cụ tài chính trong nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu có thể gây ra những tác động tiêu cực về mặt xã hội nên cần những giải pháp hạn chế và chế tài xử lý mạnh mẽ và quyết liệt.

**Chương 3**

**THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH VĨ MÔ NHẰM NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU VIỆT NAM TRONG THỜI GIAN QUA**

**3.1. Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

**3.1.1. Tổng quan ngành may mặc Việt Nam**

Giai đoạn từ sau năm 2006 đến nay, sau khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) với nhiều sự thay đổi về các quy định đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng may mặc. Ngay trong năm đầu tiên, năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên WTO, đi kèm theo một loạt các cam kết dỡ bỏ rào cản phi thuế quan và giảm dần các rào cản thuế quan, vốn FDI vào may mặc Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng. Tận dụng các ưu đãi về thuế trong khuôn khổ WTO và các hiệp định thương mại tự do mà Chính phủ đã ký kết, hàng may mặc của Việt Nam đã thâm nhập ngày càng sâu vào thị trường thế giới, đồng thời, góp phần tăng thu ngoại tệ cho nền kinh tế cũng như giải quyết việc làm cho người lao động.

**3.1.2. Tình hình xuất khẩu hàng may mặc Việt Nam trong thời gian qua**

***3.1.2.1. Khái niệm về hàng may mặc xuất khẩu:***

*\* Khái niệm về hàng may mặc:*

Hàng may mặc thuộc nhóm mặt hàng chế biến, trong đó, thông qua máy móc thiết bị, phụ liệu, hóa chất và sức lao động của con người đã làm thay đổi các nguyên vật liệu ban đầu trở thành sản phẩm may mặc cuối cùng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của con người.

*\* Khái niệm về hàng may mặc xuất khẩu:*

Khi tiến hành xuất khẩu, hàng may mặc được quy định trong hệ thống mã số hải quan hài hòa hóa, gọi là theo mã HS. Theo cách phân loại này, các sản phẩm thuộc hệ thống sản xuất may mặc từ chương 61, 62 và 63 được chia nhỏ theo sự khác biệt về nguyên liệu đầu vào, đối tượng sử dụng, mục đích sử dụng.

Các mặt hàng may mặc thuộc chương 61 và 62 cũng đồng thời là các mặt hàng xuất khẩu mà doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế, theo đó, các đánh giá, phân tích của NCS tập trung vào hai nhóm mặt hàng may mặc này sẽ đảm bảo được mục đích nghiên cứu của luận án.

***3.1.2.2. Tình hình xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam thời gian qua***

NCS phân tích tình hình xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam thời gian qua trên ba khía cạnh:

- Hoạt động xuất khẩu hàng may mặc theo nhóm mặt hàng

- Hoạt động xuất khẩu hàng may mặc theo cơ cấu doanh nghiệp

- Hoạt động xuất khẩu hàng may mặc theo thị trường

***3.1.3. Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam***

Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam được nghiên cứu dựa trên bốn khía cạnh đã được đề cập trong chương 2. Cụ thể là:

Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên khía cạnh chất lượng: nhìn chung là chất lượng của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam còn thấp, chủ yếu cung cấp cho phân khúc thị trường trung và thấp cấp.

Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên khía cạnh giá thành: hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam có giá thành thấp nhờ tận dụng lợi thế về chi phí nhân công giá rẻ.

Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên khía cạnh giá trị thương hiệu, nhãn hiệu: hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam chưa có thương hiệu, nhãn hiệu uy tín do chủ yếu sản xuất theo hình thức gia công CMT.

Khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên khía cạnh thị phần: hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam có thị phần tăng dần trên thị trường thế giới, tuy nhiên còn mang tính tập trung cao, trong đó, Hoa Kỳ là thị trường chủ yếu.

**3.2. Đánh giá khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trong thời gian qua**

**3.2.1. Đánh giá khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam theo các yếu tố trong môi trường bên trong và bên ngoài doanh nghiệp**

***3.2.1.1. Về môi trường bên ngoài của doanh nghiệp, môi trường kinh tế vĩ mô***

Sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô trong giai đoạn gần đây tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu có những chiến lược sản xuất kinh doanh dài hạn, duy trì được số lượng việc làm, doanh thu và lợi nhuận ổn định.

***3.2.1.2. Về môi trường nội bộ ngành may mặc***

Với cả năm áp lực cạnh tranh thì hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam chịu áp lực cao từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh hiện tại, đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn. Áp lực cạnh tranh từ nhà cung cấp trong ngắn và trung hạn là ở mức trung bình, tuy nhiên, trong dài hạn, nếu Việt Nam không phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ may mặc thì áp lực này sẽ tăng cao.

***3.2.1.3. Về môi trường bên trong của doanh nghiệp***

Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam được đánh giá trên góc độ môi trường bên trong của doanh nghiệp, thể hiện qua bốn khía cạnh là quy mô sản xuất, trình độ lao động, trình độ công nghệ và tiềm lực tài chính của doanh nghiệp.

**3.2.2. Đánh giá khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam theo khung nghiên cứu chuỗi giá trị**

Đặt trong khung nghiên cứu chuỗi giá trị, bốn công đoạn chính của chuỗi ở thượng nguồn và hạ nguồn đều là hạn chế của hàng may mặc Việt Nam xuất khẩu. Nói cách khác, hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam chỉ có khả năng cạnh tranh cao tại công đoạn sản xuất. Nếu muốn nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu, doanh nghiệp phải nâng cấp chuỗi giá trị, dịch chuyển từ phương thức xuất khẩu CMT sang FOB, sang ODM. Khi hàng may mặc xuất khẩu được sản xuất theo phương thức ODM thì khả năng cạnh tranh của sản phẩm cao hơn, bền vững hơn, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho các bên tham gia.

**3.3. Thực trạng sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô đối với doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trong thời gian qua**

**3.3.1. Thực trạng sử dụng công cụ thuế**

***3.3.1.1. Về thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp có tác động đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu thông qua các ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu. Cụ thể, Nhà nước đã thực hiện giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ may mặc.

***3.3.1.2. Về thuế giá trị gia tăng (VAT)***

Thuế giá trị gia tăng có tác động trực tiếp đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam. Hai hướng tác động chính là thực hiện thuế VAT ưu đãi đối với đầu vào của hàng may mặc xuất khẩu và ưu đãi VAT đối với máy móc, thiết bị sử dụng trong sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

***3.3.1.3. Về thuế nhập khẩu***

Thuế nhập khẩu có tác động trực tiếp đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu trên cả hai khía cạnh là cạnh tranh về giá yếu tố đầu vào và cạnh tranh về sản phẩm đầu ra. Cụ thể, Chính phủ đã đàm phán thực hiện thuế nhập khẩu ưu đãi đối với đầu vào của hàng may mặc xuất khẩu và thuế nhập khẩu ưu đãi đối với đầu vào của hàng may mặc xuất khẩu trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do.

**3.3.2. Thực trạng chi ngân sách nhà nước nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

Chi ngân sách Nhà nước (NSNN) có tác động đến nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên ba hướng là chi NSNN cho phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, chi NSNN cho phát triển nguồn nhân lực và chi NSNN cho phát triển công nghiệp hỗ trợ may mặc.

**3.3.3. Thực trạng sử dụng công cụ tín dụng, lãi suất**

Như trong nội dung về công cụ đầu tư đối với trường hợp là các doanh nghiệp tư nhân trong nước chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, tín dụng ngân hàng được coi là nguồn cung ứng vốn quan trọng cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp may mặc quy mô vừa và nhỏ tiềm lực tài chính hạn chế. Việc sử dụng công cụ tín dụng, lãi suất được Chính phủ và các cơ quan Nhà nước thực thi trên các hướng áp dụng lãi suất ưu đãi đối với hoạt động sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, tín dụng ưu đãi đối với hoạt động xuất khẩu hàng may mặc, tín dụng ưu đãi đối với hỗ trợ sản xuất hàng may mặc và tín dụng ưu đãi đối với công nghiệp hỗ trợ may mặc.

**3.3.4. Thực trạng sử dụng công cụ tỷ giá hối đoái**

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã ban hành Quyết định 2730/QĐ-NHNN về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD, tỷ giá tính chéo của VND với một số ngoại tệ khác. SBV lựa chọn 8 đồng tiền làm căn cứ tham chiếu để tính tỷ giá trung tâm, bao gồm: USD, EUR; CNY; JPY, Đô la Singapore (SGD), Won Hàn Quốc (KRW) và Đài tệ (Đài Loan), Bath Thái Lan (THB). Cơ chế tỷ giá mới cho phép tỷ giá trung tâm phản ứng linh hoạt, kịp thời hơn với diễn biến trong nước và quốc tế.

Kết quả điều hành tỷ giá hối đoái danh nghĩa VND/USD tương đối ổn định trong giai đoạn 2011 - 2015 đã có ảnh hưởng tích cực đối với hàng may mặc xuất khẩu với sự gia tăng giá trị xuất khẩu rõ rệt so với giai đoạn trước. Tỷ giá hối đoái danh nghĩa được điều chỉnh theo hướng giảm giá VND nhằm khuyến khích xuất khẩu. Tỷ giá hiệu lực thực tế biến động tăng và giá trị của REER luôn lớn hơn 100, thể hiện rằng sức cạnh tranh thương mại quốc tế của Việt Nam đang được cải thiện. Tỷ giá có ảnh hưởng đến mặt hàng may mặc rất rõ ràng và thuận chiều.

Tuy nhiên, do đặc điểm hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu theo hình thức CMT và FOB, nghĩa là doanh nghiệp Việt Nam chỉ thực hiện gia công và phải nhập khẩu nguyên phụ liệu theo chỉ định của bên đặt gia công (khách hàng nước ngoài). Do đó, các doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu lại gặp khó khăn khi VND giảm giá vì chi phí nhập khẩu đầu vào tăng.

**3.4. Đánh giá việc sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

**3.4.1. Kết quả và hạn chế trong việc sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

***Về kết quả***

Kết quả lớn nhất và dễ nhận thấy trong tác động của các công cụ tài chính đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam đó là những hỗ trợ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh về giá thành và sản lượng xuất khẩu. Cụ thể: là thực hiện hỗ trợ giảm chi phí đầu vào và hỗ trợ giảm giá thành, tăng sản lượng hàng may mặc xuất khẩu.

***Về hạn chế***

*\* Tác động của công cụ thuế đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu:* thủ tục thuế thiếu tinh gọn, nhiều phiền hà về hành chính đã làm tăng chi phí thời gian cho doanh nghiệp.

*\* Tác động của công cụ tín dụng, lãi suất đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu:* vốn tín dụng ngân hàng mới chỉ có tác dụng bổ sung vào vốn lưu động thời vụ của doanh nghiệp may mặc, đối tượng được đầu tư trung và dài hạn còn hạn chế. Ngoài ra, nguồn vốn của các công ty tài chính còn hạn chế nên ít đầu tư vào những dây chuyền máy móc, thiết bị có giá trị lớn, do đó, chưa đáp ứng được nhu cầu đi thuê tài chính của các doanh nghiệp ngành may mặc.

*\* Tác động của chi NSNN đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu:* tốc độ đầu tư cho cơ sở hạ tầng vẫn chưa theo kịp tốc độ phát triển của nền kinh tế nói chung và của hoạt động xuất khẩu hàng may mặc nói riêng. Ngoài ra, chi NSNN cần đa dạng hóa hình thức và công khai khác hoạt động hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ lao động trong ngành may mặc, chưa nhân rộng và lan tỏa mạnh việc đào tạo lao động đáp ứng cho nhu cầu sản xuất ODM.

*\* Tác động của công cụ tỷ giá đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu:* có sự khác biệt trong đánh giá tác động của tỷ giá đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu giữa khối doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Các doanh nghiệp FDI không cho rằng công cụ tỷ giá có tác động mạnh đến hoạt động xuất khẩu hàng may mặc như đánh giá của các doanh nghiệp trong nước.

**3.4.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

*Một là,* hạn chế trong nhận thức về khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam; *Hai là,* công cụ tài chính chưa tập trung cho phát triển công nghiệp hỗ trợ may mặc nên chưa đáp ứng được yêu cầu hàng may mặc xuất khẩu; *Ba là,* các thủ tục hành chính liên quan đến thuế, hải quan vẫn còn phức tạp tạo gánh nặng cho doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu; *Bốn là,* chi NSNN chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu theo hướng gia tăng giá trị; *Năm là,* cơ chế cho vay chưa phù hợp với đặc điểm sản xuất hàng may mặc xuất khẩu; *Sáu là,* chính sách tỷ giá chưa phù hợp với bối cảnh trong nước và thế giới; *Bảy là,* khả năng liên kết và hợp tác kém giữa các nhà tài chính với doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

**Chương 4**

**GIẢI PHÁP SỬ DỤNG CÔNG CỤ TÀI CHÍNH VĨ MÔ NÂNG CAO KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA HÀNG MAY MẶC XUẤT KHẨU VIỆT NAM**

**4.1. Cơ hội và thách thức đối với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế thế giới hiện nay**

**4.1.1. Bối cảnh nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

Bối cảnh nền kinh tế thế giới có ảnh hưởng đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam trên các khía cạnh sau:

- Tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng đối với mặt hàng may mặc xuất khẩu ngày càng tăng, đặc biệt là ở thị trường các nước công nghiệp phát triển.

- Tiêu chuẩn lao động, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu ngày càng chặt chẽ, yêu cầu sự tuân thủ một cách nghiêm túc của các doanh nghiệp.

- Áp lực cạnh tranh giữa các quốc gia sản xuất - xuất khẩu hàng may mặc ngày càng tăng, đặc biệt là giữa các quốc gia có nhiều điểm chung về lợi thế sản xuất

- Xu hướng “thời trang nhanh - fast fashion” đang có sự ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất - xuất khẩu hàng may mặc

- Xu hướng tiêu dùng hàng may mặc thông qua các kênh phân phối điện tử ngày càng gia tăng

- Công nghệ sử dụng trong công nghiệp may mặc đang có những thay đổi tích cực theo hướng tự động hóa, giảm sử dụng lao động, giảm các chi phí không cần thiết trong quá trình sản xuất.

**4.1.2. Cơ hội và thách thức đối với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

**4.1.2.1. Cơ hội**

- Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng may mặc xuất khẩu thông qua các FTA

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc Việt Nam trên các yếu tố cạnh tranh phi giá

- Nâng cấp phân khúc thị trường của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam

***4.1.2.2. Thách thức***

- Lợi thế cạnh tranhcủa hàng may mặc xuất khẩu Việt Namchủ yếu dựa vào chi phí nhân công thấp

- Các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật đối với hàng may mặc xuất khẩu ngày càng tăng

- Vấn đề xã hội phát sinh tại các khu công nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu

- Phương thức gia công xuất khẩu làm hạn chế khả năng tiếp cận được các thông tin liên quan đến người tiêu dùng cuối cùng, cũng như nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu.

**4.2. Quan điểm và định hướng của Nhà nước trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam**

**4.2.1. Quan điểm và mục tiêu của Nhà nước trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

***4.2.1.1. Quan điểm của Nhà nước đối với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu***

- Phát triển ngành may mặc theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu;

- Phát triển ngành may mặc phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp sợi dệt nhuộm tập trung để tạo điều kiện thực hiện tốt các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường.

***4.2.1.2. Mục tiêu của Nhà nước trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu***

*\* Mục tiêu tổng quát*

- Xây dựng ngành công nghiệp may mặc trở thành một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn.

- Đảm bảo cho ngành may mặc phát triển bền vững, hiệu quả trên cơ sở công nghệ hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng, quản lý lao động, quản lý môi trường theo các chuẩn mực quốc tế;

- Phân bố may mặc ở các vùng phù hợp: thuận lợi về nguồn cung cấp lao động, giao thông, cảng biển;

- Đến năm 2020, ngành may mặc xây dựng được một số thương hiệu nổi tiếng.

*\* Mục tiêu cụ thể:*

- Giai đoạn 2016 đến 2020: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản ngành dệt tăng 13% đến 14%/năm, ngành may tăng 12% đến 13%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 9% đến 10%/năm.

- Giai đoạn 2021 đến 2030: Tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất ngành dệt tăng 10% đến 11%/năm, ngành may tăng 9% đến 10%/năm. Tăng trưởng xuất khẩu đạt 6% đến 7%/năm.

- Cơ cấu ngành dệt, ngành may trong cơ cấu toàn ngành may mặc: Đến năm 2020, tỷ trọng ngành dệt tăng lên 47%, ngành may giảm còn 53%; năm 2030, ngành dệt tăng lên 49%, ngành may còn 51% trong toàn bộ cơ cấu ngành may mặc.

**4.2.2. Định hướng nâng cao khả năng cạnh tranh hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam**

***- Định hướng phát triển các sản phẩm, lĩnh vực quan trọng***

Thứ nhất: tăng cường cho ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường

Thứ hai: xây dựng chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt phục vụ y tế

Thứ ba: phát triển nguồn nguyên liệu xơ bông, các loại cây có xơ sợi, xơ sợi nhân tạo và phụ liệu.

***- Định hướng trong quy hoạch sản xuất hàng may mặc xuất khẩu theo vùng, lãnh thổ***

Để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu, quy hoạch may mặc theo vùng lãnh thổ cần được tiến hành dựa trên lợi thế về nguồn lực sản xuất của từng vùng sao cho vừa khai thác được lợi thế về vị trí vừa khai thác được lợi thế về nguồn lực.

**4.3. Một số giải pháp sử dụng công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

**4.3.1. Giải pháp về thuế**

Để công cụ thuế thực sự trở thành công cụ tài chính hiệu quả trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam, giải pháp để sử dụng công cụ thuế hiệu quả cần thực hiện theo các hướng:

***\* Đối với các hình thức thuế nội địa:***

*Ưu đãi về thuế giá trị gia tăng:* để kích cầu đầu tư và sử dụng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ may mặc trong nước, đề xuất áp dụng mức thuế suất thấp hơn so với thông thường (5%) hoặc giãn thời gian nộp thuế VAT với các doanh nghiệp sản xuất đầu vào và nguyên phụ liệu may mặc.

*Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:* Tiếp tục thực hiện và triển khai mạnh mẽ hơn việc áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ may mặc.

***\* Đối với thuế xuất nhập khẩu:***

Bộ Tài chính cần xem xét lại chính sách thuế đối với việc sử dụng nguyên phụ liệu dư thừa sao cho giảm bớt lãng phí, cũng như những ảnh hưởng tiêu cực về môi trường xã hội. Theo quan điểm của NCS, trong trường hợp khách hàng nước ngoài không muốn vận chuyển nguyên phụ liệu về nước và cho phép bên đặt gia công tái sử dụng thì Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý liên quan nên chấp thuận để cho doanh nghiệp được sử dụng trong sản xuất hàng may mặc tiêu thụ trên thị trường nội địa.

***\* Cải tiến thủ tục thuế***

Thủ tục thuế vẫn là hạn chế lớn nhất về thủ tục hành chính mà doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nỏi riêng phải chịu. Để nâng cao khả năng cạnh tranh cho hàng may mặc xuất khẩu, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp cần đẩy mạnh hơn nữa thủ tục thuế theo hướng tinh gọn, đơn giản, ít tốn kém và tạo thuận lợi tốt nhất về thời gian cho chủ thể nộp thuế.

**4.3.2. Giải pháp về chi NSNN**

Chi NSNN cần thực hiện tốt trên cả ba hướng:

- Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực may mặc.

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng tại các khu vực có sự tập trung cao các doanh nghiệp hỗ trợ may mặc, đặc biệt là hỗ trợ trong xử lý ô nhiễm môi trường.

- Chi NSNN cho phát triển công nghiệp hỗ trợ may mặc: tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động chi NSNN nhằm hỗ trợ trong nghiên cứu và phát triển, trong đó các dự án xây dựng cơ sở nghiên cứu và phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ may mặc được Nhà nước giao cho thuê đất và được hưởng các ưu đãi sử dụng đất.

**4.3.3. Giải pháp về tín dụng, lãi suất**

*Một là*, doanh nghiệp Việt Nam nói chung và doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu nói riêng vẫn phụ thuộc quá nhiều vào nguồn vốn đến từ các ngân hàng, trong khi bản thân các ngân hàng thương mại cũng là đơn vị kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận nên cần đa dạng hóa các kênh huy động vốn, đặc biệt là huy động vốn trên thị trường chứng khoán.

*Hai là,* cần tính toán và xem xét áp dụng một mức lãi suất ưu đãi riêng cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ may mặc, cũng như thời gian vay phù hợp với đặc điểm của lĩnh vực hỗ trợ may mặc.

*Ba là,* song song với thực thi mức lãi suất ưu đãi, để những hỗ trợ tài chính thực sự là ưu đãi vẫn cần đơn giản hóa thủ tục vay vốn, giao dịch nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp may mặc xuất khẩu. Với đặc điểm về tính thời

**4.3.4. Giải pháp về tỷ giá hối đoái**

*Một là,* duy trì sự ổn định của VND đặc biệt so với đồng tiền của các nước đối tác có nhiều giao dịch trong nhập khẩu các nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất hàng may mặc xuất khẩu.

*Hai là,* ổn định chính sách kinh tế vĩ mô khác có ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái như chính sách quản lý ngoại hối, lãi suất tiền gửi, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn ngoại tệ, duy trì lạm phát ở mức một con số…

*Ba là,* chính sách duy trì đồng VND yếu như hiện nay chỉ có tác động nâng cao khả năng cạnh tranh đối với mặt hàng may mặc xuất khẩu tự chủ được yếu tố đầu vào, tỉ lệ nội địa hóa sản phẩm may mặc xuất khẩu ở mức cao.

**4.4. Một số giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

**4.4.1. Các giải pháp hỗ trợ từ phía Nhà nước nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

Để nâng cao hiệu quả thực thi các công cụ tài chính vĩ mô, Nhà nước cũng cần thực hiện các giải pháp hỗ trợ mang tính phi tài chính như:

Thứ nhất, đàm phán để ký kết các FTA mang lại nhiều cơ hội phát triển cho hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam

Thứ hai, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại trong đó Hiệp hội may mặc Việt Nam phải đóng vai trò chủ chốt

Thứ ba, ban hành các chính sách, chủ trương đến các địa phương có lợi thế và điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh quá trình hình thành cụm liên kết may mặc

**4.4.2. Các giải pháp hỗ trợ từ phía doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam**

Xét từ góc độ doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, các giải pháp cần thực thi là:

Thứ nhất, chuyển từ phương thức gia công sang sản xuất theo phương thức FOB

Thứ hai, nâng cao thị phần trên thị trường nội địa

Thứ ba, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng đa dạng hóa thị trường, tìm kiếm và khai thác các thị trường mới, thị trường ngách

Thứ tư, tăng cường hợp tác, liên kết giữa các chủ thể liên quan đến hoạt động sản xuất, xuất khẩu hàng may mặc

Thứ năm, nâng cao trình độ lao động và công nghệ sản xuất

**KẾT LUẬN**

Qua 4 chương phân tích các công cụ tài chính vĩ mô được Nhà nước Việt Nam sử dụng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu, có thể khái quát một số kết quả nghiên cứu chủ yếu như sau:

Thứ nhất, các công cụ tài chính vĩ mô đã có phạm vi tác động đến hầu hết các hoạt động trực tiếp và gián tiếp của quá trình sản xuất - xuất khẩu hàng may mặc. Từ khâu cung ứng đầu vào cho đến sản xuất và thực hiện phân phối, xuất khẩu, các công cụ tài chính vĩ mô đã có những hỗ trợ khá đồng đều và xuyên suốt.

Thứ hai, nếu như các công cụ thuế, lãi suất và tỷ giá hối đoái có tác động khá rõ ràng và trực tiếp đến hoạt động sản xuất - xuất khẩu của doanh nghiệp may mặc, từ đó, tác động đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu thì mức độ ảnh hưởng của chi NSNN còn chưa rõ ràng và cụ thể.

Thứ ba, để sử dụng các công cụ tài chính có hiệu quả phụ thuộc khá nhiều vào các quy trình, thủ tục hành chính, tính công khai minh bạch của quá trình sử dụng cũng như đánh giá hiệu quả sử dụng. Muốn các công cụ tài chính có tác động mạnh hơn đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu cần thực hiện song song với quá trình cải thiện bộ máy quản lý thủ tục hành chính.

Thứ tư, do hạn chế về nguồn lực cũng như việc phải tuân thủ các cam kết trong khuôn khổ các FTA mà Việt Nam tham gia, mức độ ảnh hưởng từ các công cụ tài chính đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu còn hạn chế do thiếu tính tập trung, thiếu sự liên kết giữa các chủ thể, đặc biệt là giữa các cơ quan Nhà nước với doanh nghiệp.

Thứ năm, áp lực cạnh tranh liên tục tăng, với đặc điểm của một mặt hàng thời trang nên yêu cầu sản xuất - xuất khẩu hàng may mặc mang tính thời vụ rất cao nên các công cụ tài chính cũng cần được sử dụng sao cho phù hợp. Nếu chi NSNN và thuế đòi hỏi một khoảng thời gian để hoạch định, ban hành thì công cụ lãi suất, tín dụng và tỷ giá hối đoái có tính linh hoạt cao hơn. Nhà nước cần sử dụng phối kết hợp giữa các công cụ tài chính sao cho mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động xuất khẩu hàng may mặc, cũng như tác động đến khả năng cạnh tranh của hàng may mặc.

Thứ sáu, bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới có nhiều thay đổi, các lợi thế cạnh tranh về giá nhờ tận dụng chi phí nhân công thấp đang có xu hướng giảm dần đòi hỏi hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam phải nâng cao hơn nữa các yếu tố cạnh tranh phi giá, theo đó, các công cụ tài chính cũng cần định hướng trọng tâm vào các nội dung này.

Thứ bảy, những hỗ trợ tài chính hay phi tài chính của Nhà nước chỉ là điều kiện cần, nỗ lực của doanh nghiệp trong nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu mới là điều kiện đủ. Doanh nghiệp mới là chủ thể trực tiếp hiện thực hóa các hỗ trợ của Nhà nước nên để các hỗ trợ của Nhà nước có tính khả thi cao trong thực tiễn, chính bản thân doanh nghiệp may mặc phải có những thay đổi trong chính sách, chiến lược nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu một cách toàn diện và bền vững.

Với bảy kết quả nghiên cứu chính nêu trên, luận án sẽ góp thêm quan điểm, nhận thức đối với các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách để có thể sử dụng các công cụ tài chính vĩ mô nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu một cách hiệu quả hơn, đặc biệt trong bối cảnh sức ép cạnh tranh đối với hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam ngày càng tăng, các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc xuất khẩu đang có xu hướng giảm dần lợi thế.

Nội dung của luận án đã bám sát đối tượng nghiên cứu và đạt được các mục đích nghiên cứu. Tuy nhiên, do nội dung của đề tài luận án rất rộng và phức tạp nên NCS không thể tránh khỏi những thiếu sót trong nghiên cứu. Tác giả luận án mong muốn nhận được các đóng góp của các nhà khoa học để luận án có thể mang giá trị thực tiễn cao hơn./.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hà Thị Liên (2013), *“Cứu doanh nghiệp không thể chỉ giảm lãi suất”*, Báo Đầu tư chứng khoán số 5 ngày 11/1/2013, trang 21 - 23
2. Hà Thị Liên (2018), *“Năng lực cạnh tranh của hàng dệt may xuất khẩu Việt Nam - Đánh giá từ góc độ chuỗi giá trị”*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo 02/2018 số 04+05, ISSN 0866-7120, trang 101 - 104
3. Hà Thị Liên (2018), *“Thực trạng hoạt động đầu tư đối với ngành dệt may Việt Nam”*, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán, Số 02 (175)-2018, trang 33-37
4. Hà Thị Liên (2018), *"Sử dụng công cụ tài chính nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu hàng hoá ở Thái Lan",* Tạp chí nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông 3/2018, số 03(151), ISSN 1859 - 0519, trang 31 - 40
5. Hà Thị Liên (2018), *"Năng lực cạnh tranh của hàng may mặc xuất khẩu Việt Nam",* Tạp chí nghiên cứu Châu Phi & Trung Đông 4/2018, số 04(151), ISSN 1859 - 0519, trang 48 - 57